

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SXD-KTVL

Quảng Ngãi, ngày tháng 9 năm 2025

V/v hướng dẫn cung cấp thông tin và gửi hồ sơ đề nghị đăng công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Kính gửi: Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị công trình

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021; Thông tư 01/2025/TT-BXD sửa đổi Thông tư 13/2021/TT-BXD, Thông tư 11/2021/TT-BXD đã sửa đổi tại Thông tư 14/2023/TT-BXD;

Căn cứ Thông tư số 10/2024/TT-BXD ngày 01/11/2024 của Bộ Xây dựng về việc quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;

Thực hiện công tác quản lý nhà nước về giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định Nghị định số 10/2021/NĐ-CP, Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi hướng dẫn các đơn vị về việc cung cấp thông tin và gửi hồ sơ đăng ký niêm yết giá vào công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi như sau:

I. Thành phần hồ sơ đề nghị đăng ký niêm yết giá vật liệu xây dựng

1. Trường hợp đơn vị đăng ký niêm yết giá lần đầu

- Văn bản gửi Sở Xây dựng đề nghị được công bố giá vật liệu xây dựng (theo mẫu tại **Phụ lục 1**) trong đó bao gồm các nội dung cam kết các sản phẩm, hàng hoá đề nghị công bố giá không vi phạm các quy định về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hoá tương ứng; Thông tin, địa điểm đặt trụ sở chính, nhà máy của đơn vị sản xuất sản phẩm đề nghị công bố giá; hệ thống phân phối sản phẩm (nếu có); thông tin của người phụ trách đăng ký công bố giá...

- Bảng niêm yết giá sản phẩm, hàng hoá của đơn vị (bản chính, kê khai theo mẫu tại **Phụ lục 2**).

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp - *Bản sao có chứng thực*;

- Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy (đối với sản phẩm VLXD phải thực hiện chứng nhận hợp quy theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BXD) - *Bản sao có chứng thực*;

- Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn (đối với sản phẩm VLXD phù hợp chuẩn kỹ thuật tương ứng) - *Bản sao có chứng thực*;

- Quyết định kèm theo Giấy chứng nhận hợp quy hoặc giấy chứng nhận hợp chuẩn do đơn vị có đủ điều kiện đánh giá cấp Giấy chứng nhận - *Bản sao có chứng thực*;

- Các cataloge giới thiệu sản phẩm, quy cách kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật, hồ sơ thiết kế mẫu áp dụng để sản xuất (nếu có).

- Kèm theo hóa đơn (thuế giá trị gia tăng) hoặc hợp đồng mua bán sản phẩm (khi có yêu cầu).

2. Trường hợp đơn vị đã có sản phẩm được công bố giá VLXD trên địa bàn tỉnh.

- Văn bản gửi Sở Xây dựng đề nghị được công bố giá vật liệu xây dựng (bản chính, theo mẫu **Phụ lục 1**).

- Bảng niêm yết giá sản phẩm, hàng hoá của đơn vị (bản chính, kê khai theo mẫu **Phụ lục 2**). Trường hợp vật liệu có biến động về giá thì phải phân tích nguyên nhân, nêu rõ các yếu tố làm tăng hoặc giảm giá sản phẩm.

- Các hồ sơ có nội dung thay đổi (nếu có).

3. Đối với hàng hóa là cát làm vật liệu xây dựng, đất làm vật liệu san lấp phải thực hiện kê khai giá theo quy định, gửi về Sở Xây dựng kiểm tra các yếu tố chi phí cấu thành giá trước khi đề nghị công bố giá.

4. Quy ước khu vực trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Tỉnh Quảng Ngãi gồm có 96 xã, phường, đặc khu, chia thành 23 khu vực (từ khu vực 1 đến khu vực số 23), mỗi khu vực gồm các xã, phường như **Phụ lục 3** kèm theo.

II. Địa chỉ, thời gian gửi hồ sơ

- Trước ngày 30 hàng tháng, các đơn vị gửi hồ sơ đề nghị đăng công bố giá đến Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi tại địa chỉ: Số 39 đường Hai Bà Trưng, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi, điện thoại: 0255.3822717.

- Đối với các đơn vị đã có sản phẩm được công bố giá vật liệu xây dựng: định kỳ trước ngày 05 của tháng đầu Quý, đơn vị gửi hồ sơ đề nghị công bố giá đến Sở Xây dựng. Nếu quá thời hạn nêu trên, Sở Xây dựng không

nhận được hồ sơ của đơn vị, sẽ xem xét gỡ niêm yết giá sản phẩm ra khỏi Công bố giá.

Lưu ý:

- Các loại vật liệu xây dựng đề nghị đăng công bố giá phải đảm bảo chất lượng theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng theo quy định. Giá các loại vật liệu xây dựng, thiết bị phải phù hợp với giá thị trường, nguồn gốc xuất xứ, khả năng và phạm vi cung ứng.

- Trong thời gian đăng ký công bố giá, nếu các thông tin tại mục I có thay đổi, thì đề nghị gửi thông báo về Sở Xây dựng để cập nhật.

Sở Xây dựng hướng dẫn để các đơn vị nghiên cứu, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, PGD Sở (B.V.Cư);
- Công TTĐT Sở;
- Lưu: VT, KTVL_(hqny).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Bùi Văn Cư

Phụ lục 1

(Kèm theo Công văn số/SXD-KTVL ngày/...../2025 của
Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi)

(TÊN ĐƠN VỊ)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày tháng năm

V/v đề nghị công bố giá
sản phẩm, hàng hóa định
kỳ tại Sở Xây dựng

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện Công văn số/SXD-KTVL ngày/...../2025 của Sở Xây
dựng tỉnh Quảng Ngãi về việc hướng dẫn cung cấp thông tin và gửi hồ sơ đề
nghị đăng công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Công ty gửi hồ sơ đề nghị công bố giá sản phẩm,
hàng hóa do đơn vị hiện đang sản xuất, kinh doanh vào Bảng công bố giá
vật liệu xây dựng định kỳ tại Sở Xây dựng, với các nội dung sau:

- Thông tin về đơn vị: Tên đơn vị, địa điểm đặt trụ sở chính và nhà máy
sản xuất sản phẩm, vật liệu xây dựng đề nghị công bố; thông tin liên lạc của
người phụ trách đăng ký công bố giá (họ và tên, điện thoại, email, số fax); Danh
sách các đại lý phân phối sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi có
đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật (nếu có).

- Bảng niêm yết giá sản phẩm, hàng hoá của đơn vị (bản chính, kê khai
theo mẫu tại **Phụ lục 2**). Giá sản phẩm được áp dụng kể từ ngày .../.../.... đến
ngày .../.../....

- Các hồ sơ kèm theo gồm:

+ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động doanh nghiệp do cơ quan có thẩm
quyền cấp.

+ Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy;

+ Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn;

+ Quyết định kèm theo giấy chứng nhận hợp quy hoặc giấy chứng nhận
hợp chuẩn do đơn vị có đủ điều kiện đánh giá cấp Giấy chứng nhận;

+ Các cataloge giới thiệu mẫu mã, quy cách kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật,
hồ sơ thiết kế mẫu (nếu có) áp dụng để sản xuất...;

+ Bản chụp hóa đơn bán hàng (giá trị gia tăng),...

Công ty..... đề nghị được công bố giá sản phẩm, hàng hóa định kỳ
tại Sở Xây dựng Quảng Ngãi. Công ty..... cam kết các sản phẩm, hàng hoá đề

ngiht công bố giá không vi phạm các quy định về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hoá tương ứng; đã hiểu rõ các hành vi bị cấm trong lĩnh vực giá và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh theo quy định tại Luật giá số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023 và Thông tư 10/2024/TT-BXD ngày 01/11/2024 của Bộ Xây dựng.

Công ty xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, kê khai và niêm yết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 2

(Kèm theo Công văn số /SXD-KTVL ngày / /2025 của Sở Xây dựng Quảng Ngãi)

Tên doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày tháng năm 202

BẢNG NIÊM YẾT GIÁ

(Kèm theo Công văn số /.....ngày / năm 202... của Công ty....)

Đơn vị tính: Đồng

Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT) (*)																						
						Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3	Khu vực 4	Khu vực 5	Khu vực 6	Khu vực 7	Khu vực 8	Khu vực 9	Khu vực 10	Khu vực 11	Khu vực 12	Khu vực 13	Khu vực 14	Khu vực 15	Khu vực 16	Khu vực 17	Khu vực 18	Khu vực 19	Khu vực 20	Khu vực 21	Khu vực 22	Khu vực 23

Hướng dẫn ghi vào các cột trong bảng:

- Những mục bắt buộc nhập gồm: Nhóm vật liệu, Tên vật liệu, loại vật liệu, Đơn vị, Tiêu chuẩn kỹ thuật, Vận chuyển và Giá bán
 - Đơn vị tính: ghi rõ đơn vị là: cái, bộ, chiếc, Mét (m), m3, m2, kg, tấn, lít...
 - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ghi tiêu chuẩn sản xuất (tiêu chuẩn Việt Nam hoặc tiêu chuẩn cơ sở), nếu không có thông tin thì ghi “không có thông tin”;
 - Quy cách: tính năng kỹ thuật, kích cỡ, màu sắc, chủng loại, kiểu cỡ...;
 - Nhà sản xuất: tên đơn vị sản xuất;
 - Xuất xứ: ghi tên nước sản xuất (nếu có);
 - Điều kiện thương mại: khối lượng cung cấp, điều kiện giao hàng...;
 - Vận chuyển: ghi thông tin về vận chuyển như: giao trên phương tiện bên mua; bán kính...km... (nếu không có thì ghi “không có thông tin”);
 - Giá bán: là giá thực hiện niêm yết, công khai giá bán tại Khu vực theo mẫu
- Trường hợp Vật liệu có giá bán tại nơi sản xuất/cung cấp thì ghi giá bán tại cột Khu vực của nơi bán, đồng thời tại mục ghi chú ghi “Giá tại nơi bán”.
- Trường hợp vật liệu có giá bán tại chân công trình trên địa bàn tỉnh thì ghi giá bán tại tất cả các cột Khu vực theo mẫu

Phụ lục 3

(Kèm theo Công văn số /SXD-KTVL ngày /9/2025 của Sở Xây dựng
Quảng Ngãi)

BẢNG QUY ƯỚC KHU VỰC

STT	Khu vực	Cụ thể các xã/ phường
1	Khu vực 1	Phường Trương Quang Trọng, phường Cẩm Thành, phường Nghĩa Lộ, xã An Phú, xã Tịnh Khê
2	Khu vực 2	Xã Bình Minh, xã Bình Chương, xã Bình Sơn, xã Vạn Tường, xã Đông Sơn
3	Khu vực 3	Xã Trường Giang, xã Ba Gia, xã Sơn Tịnh, xã Thọ Phong
4	Khu vực 4	Xã Tư Nghĩa, xã Vệ Giang, xã Nghĩa Giang, xã Trà Giang
5	Khu vực 5	Xã Long Phụng, xã Mỏ Cày, xã Mộ Đức, xã Lân Phong
6	Khu vực 6	Xã Nghĩa Hành, xã Đình Cương, xã Thiện Tín, xã Phước Giang
7	Khu vực 7	Xã Minh Long, xã Sơn Mai
8	Khu vực 8	Xã Sơn Hạ, Xã Sơn Linh, xã Sơn Hà, xã Sơn Thủy, xã Sơn Kỳ
9	Khu vực 9	Xã Trà Bồng, xã Đông Trà Bồng, xã Tây Trà, xã Thanh Bồng, xã Cà Đam, xã Tây Trà Bồng
10	Khu vực 10	Xã Ba Vì, xã Ba Tô, xã Ba Dinh, xã Ba Tơ, xã Ba Vinh, xã Ba Động, xã Đặng Thùy Trâm, xã Ba Xa
11	Khu vực 11	Xã Sơn Tây, xã Sơn Tây Thượng, xã Sơn Tây Hạ
12	Khu vực 12	Đặc khu Lý Sơn
13	Khu vực 13	Phường Trà Câu, phường Đức Phổ, phường Sa Huỳnh, xã Khánh Cường, xã Nguyễn Nghiêm
14	Khu vực 14	Phường Kon Tum, phường Đắk Cấm, phường Đắk Bla, xã Ngọc Bay, xã Ia Chim và xã Đắk Rơ Wa
15	Khu vực 15	Xã Đắk Pxi, xã Đắk Mar, xã Đắk Ui, xã Ngọc Réo và xã Đắk Hà
16	Khu vực 16	Xã Ngọc Tụ, xã Đắk Tô và xã Kon Đào
17	Khu vực 17	Xã Bờ Y, xã Sa Loong và xã Dục Nông
18	Khu vực 18	Xã Đắk Long, xã Xốp, xã Ngọc Linh, xã Đắk Plô, xã Đắk Pék và xã Đắk Môn
19	Khu vực 19	Xã Sa Thầy, xã Sa Bình, xã Ya Ly, xã Mô Rai và xã Rờ Koi
20	Khu vực 20	Xã Đắk Kôi, xã Kon Braih và xã Đắk Rve
21	Khu vực 21	Xã Măng Đen, xã Măng Bút và xã Kon Plông
22	Khu vực 22	Xã Đắk Sao, xã Đắk Tờ Kan, xã Tu Mơ Rông và xã Măng Ri
23	Khu vực 23	Xã Ia Toi và xã Ia Đal